

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Phước Tâm**.

2. Bà **Võ Thị Diệp**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **215/2022/TLST-HNGĐ** ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **287/2022/QĐXXST-DS** ngày 22 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đinh Thị B**, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã AB, huyện CD, tỉnh ĐT.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà B:* Luật sư **Dương Thị Kim T** thuộc Văn phòng luật sư GK, đoàn luật sư tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Huy C**, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã BC, huyện ED, tỉnh ĐT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đinh Thị B trình bày như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Huy C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, đến năm 2013 thì tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 15/11/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng càng về sau thì càng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Chị B cũng đã cố gắng chịu đựng để anh C có thời gian thay đổi nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên đã không còn sống chung từ năm 2015 đến nay.

Trong quá trình không còn sống chung thì cả hai vẫn không có thiện chí đoàn tụ để tiếp tục chung sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị B xác định vợ chồng có 02 con chung gồm Nguyễn Trung C - sinh ngày 18/3/1999 và Nguyễn Thị Huỳnh H - sinh ngày 13/11/2009, hiện đang sống với anh C. Đối với con chung Nguyễn Trung C đã trưởng thành nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với con chung Nguyễn Thị Huỳnh H chị B đồng ý giao cho anh Nguyễn Huy C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị B không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Huy C đã trình bày tại Tòa án như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị B sống cùng với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Nghĩa vào năm 2013. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xảy ra cự cãi, làm gia đình không còn hạnh phúc, nay vợ chồng đã không còn sống chung với nhau và vợ chồng cũng không hàn gắn tình cảm được. Nay chị B yêu cầu ly hôn, anh C đồng ý.

- Về con chung: Anh C xác định vợ chồng có 02 con chung gồm Nguyễn Trung C - sinh ngày 18/3/1999 và Nguyễn Thị Huỳnh H - sinh ngày 13/11/2009, hiện đang sống với anh C. Đối với con chung Nguyễn Trung C đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với con chung Nguyễn Thị Huỳnh H thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, anh C, anh không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời có văn bản thống nhất với lời trình bày của chị Đinh Thị B. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Đinh Thị B về việc được ly hôn với anh Nguyễn Huy C, giao con chung Nguyễn Thị Huỳnh H cho anh C được tiếp tục nuôi dưỡng, chị B không cấp dưỡng nuôi con.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp tài liệu, chứng cứ gồm Bản sao Trích lục kết hôn, Bản sao Giấy khai sinh con chung; Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp nhưng bị đơn vẫn không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định;

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh Nguyễn Huy C hiện đang cư trú tại ấp 4, xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đều có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân:

[4.1] Theo đơn khởi kiện, chị Đinh Thị B cho rằng tình cảm vợ chồng với anh Nguyễn Huy C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

[4.2] Căn cứ Bản sao Trích lục kết hôn số 455/2022/TLKH-BS ngày 19/4/2022 thể hiện chị Đinh Thị B và anh Nguyễn Huy C đã đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, do đó, đã có đủ cơ sở xác định mối quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị B và anh Nguyễn Huy C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[4.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên chị B và anh C hàn gắn tình vợ chồng nhưng không thành. Vợ chồng cũng đã không còn chung sống hơn 07 năm, không ai có thiện chí hàn gắn để trở về cùng nhau chung sống; do đó, anh C cũng thống nhất ly hôn với chị B.

[4.4] Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh C có tồn tại mâu thuẫn, nếu chung sống với nhau thì cũng không hạnh phúc và không đạt được mục đích như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của chị Đinh Thị B về việc ly hôn với anh Nguyễn Huy C là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị B và anh C đều xác định vợ chồng có 02 con chung gồm Nguyễn Trung C - sinh ngày 18/3/1999 và Nguyễn Thị Huỳnh H - sinh ngày 13/11/2009, hiện đang sống với anh C. Đối với con chung Nguyễn Trung C đã trưởng thành nên chị B và anh C đều không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; đối với con chung Nguyễn Thị Huỳnh H chị B đồng ý giao cho anh C được trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh C đồng ý tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Thị Huỳnh H. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị B và anh C không còn chung sống với nhau thì cháu Hương do anh C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, đảm bảo cháu H có điều kiện phát triển bình thường, đồng thời cháu H cũng có nguyện vọng được sống chung với anh C; do đó, việc giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh H cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện cũng như lời trình bày của chị B tại Tòa án, chị B đồng ý giao con chung cho anh Nguyễn Huy C được trực tiếp nuôi dưỡng nhưng chị B không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Huy C cũng đồng ý được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Huỳnh H nhưng anh không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B và anh C đều xác định vợ không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; nguyên đơn chị Đinh Thị B phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Huy C.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Huỳnh H - sinh ngày 13/11/2009 cho anh Nguyễn Huy C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; chị Đinh Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C không có yêu cầu. Đối với con chung Nguyễn Trung C - sinh ngày 18/3/1999 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Đinh Thị B phải chịu, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009277 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy chị Đinh Thị B đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND HCL;
- Đương sự;
- CC THADS HCL;
- UBND xã Tân nghĩa, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Trường Chinh